TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày 10/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD , TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mông Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD . tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện YD , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 N 2023 tại điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

Tòa án nhân dân huyện YD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩmthụ lý số 63/2023/HSST ngày 11 tháng 7 N 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 7 N 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/HSST- QĐ ngày 26 tháng 7 N 2023 đối với các bị cáo

1. Họ và tên: **Lâm Văn N,** sinh năm 1990 tại huyện ĐY, tỉnh Thái Nguyên; tên gọi khác: Lâm Văn T; nơi cư trú: Thôn BQ, xã VH, huyện ĐY, tỉnh Thái Nguyên; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; văn hóa: 12/12; đảng, đoàn thể: không; Con ông Lâm Văn B và bà Lăng Thị Đ; vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1999, trú tại: Thôn BQ, xã VH, huyện ĐY, tỉnh Thái Nguyên; bị cáo có 02 con: Con lớn sinh năm 2019,con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/06/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang).

2. Họ và tên: **Lê Đức H1,** sinh năm 1994 tại huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn TT, xã NH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; văn hóa: 12/12; đảng, đoàn thể: không; Con ông Lê Đức T1 và bà Phan Thị L ; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú, không bị giam giữ, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (có mặt tại điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q,** sinh năm 1993 tại huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn TG, xã VT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa: 12/12; đảng, đoàn thể: không; Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị K; vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1993, trú tại Thôn TG, xã VT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; bị cáo có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú, không bị giam giữ; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, Hiện tại ngoại (có mặt tại điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang).

4. Họ và tên: **Hoàng Văn V**, sinh năm 2000 tại huyện huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn R, xã GL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: V Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; văn hóa: 9/12; đảng, đoàn thể: không; Con ông Hoàng Văn C và bà Vi Thị H1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đầu thú, không bị giam giữ, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại. (có mặt tại điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang).

- *Bị hại:* Công ty TNHH L.

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp VT 2, xã NH , huyện YD , tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo pháp luật: ông Lee, Chung J - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn T2, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn BH, xã ND, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Hà Văn T2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn TL, xã VT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Văn N (Lâm Văn T), sinh năm 1990 ở thôn BQ, xã VH, huyện ĐY, tỉnh Thái Nguyên có quan hệ quen biết với Lê Đức H1, sinh năm 1994 ở thôn TT, xã NH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An, là nhân viên kỹ thuật, kiểm tra các tai nghe tại tầng 3, xưởng E2 của Công ty TNHH L (Công ty) ở khu Công nghiệp VT 2 thuộc địa phận xã NH , huyện YD và Hoàng Văn V, sinh năm 2000 ở thôn R, xã GL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang là công nhân tại chuyền Line 2, tầng 2, xưởng E2 của Công ty. Do trước đây N đã từng làm việc ở trong công ty biết Công ty có sản xuất tai nghe, việc quản lý không được chặt chẽ, có thể lấy các tai nghe này mang ra ngoài nên N

nảy sinh ý đinh rủ H1 và V trộm cắp tai nghe của Công ty mang ra ngoài cho N đem đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Khoảng đầu tháng 12/2022, N rủ H1 trộm cắp tai nghe trong Công ty ra cho N và bảo H1 chỉ cần lấy trộm tai nghe còn N sẽ cho người chuyển ra, mỗi chiếc tai nghe N sẽ trả cho H1 từ 130.000 đồng đến 160.000 đồng, H1 đồng ý. Sau khi thống nhất với H1 thì N gọi điện cho người quen là Lý Văn K1, sinh nămăm 1998 ở thôn C, xã KL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang là người trước đây đã từng làm nhân viên bảo an của Công ty để nhờ K1 xem có quen ai làm ở bộ phận bảo an của Công ty thì giới thiệu cho N để N nhờ người này chuyển hàng trộm cắp được ra ngoài. K1 đã liên hệ và cho N số điện thoại của Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993 ở thôn TG, xã VT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang là nhân viên bảo an của Công ty để N liên lạc. N điện thoại bảo Q vận chuyển tai nghe từ cửa thiết bị tầng 1 mang ra ngoài cổng Công ty cho N thì N sẽ trả Q 2.000.000 đồng, Q đồng ý.

Khoảng 11 giờ ngày 07/12/2022, lợi dụng công nhân trong xưởng đi ăn cơm trưa, xung quanh xưởng sản xuất không có người nên H1 lấy 01 hộp bìa cát tông ở trong máy test hàng rồi đi đến công đoạn số 437, chuyền R, line 4, tầng 3, xưởng E2 của Công ty trộm cắp 40 chiếc tai nghe Bluetooth bên phải, nhãn hiệu Airpods Pro2, màu trắng cho vào trong hộp bìa cát tông mang đi cất giấu tại tủ điện công đoạn 420, chuyền R, line 4, tầng 3, xưởng E2 của Công ty rồi gọi điện thoại thông báo cho N biết. Sau khi được H1 thông báo, N gọi điện cho Hoàng Văn V bảo V trưa ngày hôm sau đi lên tầng 3 xưởng E2 gặp H1 cầm số tai nghe xuống cửa thiết bị tầng 1 thì N sẽ cho người cầm ra ngoài và hứa sẽ cho V 1.500.000 đồng. Khoảng 19 giờ ngày 08/12/2022, H1 cầm 01 hộp bìa cát tông bên trong có 40 chiếc tai nghe mang ra khu vực cầu thang đưa cho V, V cầm hộp bìa này đi xuống cửa thiết bị tầng 1, xưởng E2 của Công ty đưa cho Q, Q mở ra kiểm tra thì thấy trong hộp bìa này đựng 40 chiếc tai nghe không dây Airpods Pro 2 nên đóng lại rồi để trên bàn làm việc. Lúc này anh Hà Văn T2, sinh năm 1992 ở thôn TL, xã VT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang là nhân viên bảo an làm cùng Q thấy hộp đựng tai nghe dễ bị rơi ra khi vận chuyển nên đã lấy băng dính quấn quanh hộp bìa này cho chắc chắn rồi để lại trên bàn và đi sang xưởng C3 trong Công ty để tiếp tục làm việc. Sau khi anh T2 đi khỏi, Q gọi điện thoại thông báo cho N biết thì N bảo Q mang số tai nghe trộm cắp được ra cổng E2 của Công ty đến vị trí xe ô tô biển kiểm soát 20A-142.01 N đang đỗ ở cổng. Q cầm hộp bìa đựng tai nghe đi vào trong phòng vệ sinh bóc lớp bìa cát tông vứt đi, còn số tai nghe để trong chiếc túi ni lon rồi cất giấu vào phía trong chiếc áo đang mặc và đi ra cổng đưa cho N thì được N trả cho 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tai nghe này, N đã bán cho một người không quen biết được 20.000.000 đồng, số tiền này N chuyển khoản cho H1

6.000.000 đồng, chuyển khoản cho V 1.500.000 đồng, cho K1 1.300.000 đồng, số tiền còn lại N chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 16/12/2022, Công ty TNHH L phát hiện bị mất 40 chiếc tai nghe Airpods Pro 2 nên đã trình báo Đồn Công an Quang Châu, huyện V Yên, tỉnh Bắc Giang.

Biết hành vi của mình bị phát hiện, ngày 16/12/2022, Lê Đức H1 và Hoàng Văn V đã đến Đồn Công an QC, huyện VY đầu thú; H1 giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, bên trong lắp sim số 0349.770.224; V giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 10, bên trong lắp sim số 0344.072.535 và số 0979.354.432.

Ngày 16/12/2022, Đồn Công An QC, huyện VYđã chuyển toàn bộ tài liệu, vật chứng và người ra đầu thú cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD đã tiến hành xác định hiện trường, thu thập dữ liệu hình ảnh camera an ninh được lưu giữ trong 01 chiếc đĩa DVD-R, nhãn hiệu Verbatim. Tiến hành kiểm tra dữ liệu trong chiếc đĩa này trích xuất được 25 hình ảnh liên quan đến việc Q, H1, V, N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 16/12/2022, anh Hà Văn T2 đã giao nộp cho cơ quan điều tra: 01 điện thoại Iphone11 Pro Max màu đen, số IMEI: 352846116200627, bên trong lắp sim Vinaphone số 0928360834.

Ngày 05/01/2023, Nguyễn Văn Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD đầu thú, giao nộp: 01điện thoại Iphone 8 Plus, bên trong lắp sim số 0944.855.193.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YD kết luận: 40 chiếc tai nghe Bluetooth bên phải, nhãn hiệu Airpods Pro2, màu trắng có giá trị 44.800.000 đồng.

Đối với Lý Văn K1 có hành vi gọi điện cho Q và cho N số điện thoại của Q để N liên hệ trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập, xác minh tại địa phương nhưng Lý Văn K1 không có mặt ở địa phương nên cơ quan điều tra chưa làm việc được với K1. Đến nay thời hạn điều tra đã hết nhưng cơ quan điều tra chưa đấu tranh làm rõ được hành vi của Lý Văn K1. Ngày 14/6/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD đã ra quyết định tách hành vi của Lý Văn K1 để tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Hà Văn T2, ban đầu khai do tính chất công việc nên khi nhìn thấy hộp đựng tai nghe đã dùng băng dính quấn lại, anh T2 không biết đó là tài sản do

Q trộm cắp, Q cũng không nói cho T2 biết nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với người đã mua 40 chiếc tai nghe của N, N khai không biết người này là ai, ở đâu nên cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra làm rõ và không thu hồi vật chứng được.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 20A-142.01, N sử dụng đi đến cổng công ty để lấy tài sản trộm cắp. Kết quả điều tra xác định là xe ô tô của ông Lâm Văn B, sinh năm 1958 ở thôn BQ, xã VH, huyện ĐY, tỉnh Thái Nguyên (bố đẻ của N). Ông B không biết N sử dụng xe ô tô để đi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 29/5/2023, Lâm Văn N, Lê Đức H1, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn Q đã bồi thường cho anh Trần Văn T2, sinh năm 1996 ở thôn BH, xã ND, huyện LN, tỉnh Bắc Giang là đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH L 44.800.000 đồng. Anh T2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone11 Pro Max của anh Hà Văn T2. Ngày 14/2/2023, cơ quan điều tra đã trả cho Hà Văn T2.

Vật chứng còn lại gồm: 01 điện thoại Iphone 6 của Lê Đức H1; 01 điện thoại Redmi Note 10 của Hoàng Văn V; 01 điện thoại Iphone 8 Plus của Nguyễn Văn Q được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Lâm Văn N, Lê Đức H1, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 68/CT-VKSYD ngày 08/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo Lâm Văn N, Lê Đức H1, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn V cùng về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua thẩm vấn tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo Lâm Văn N, Lê Đức H1, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn V cùng về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn N từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lâm Văn N cho UBND xã VH, huyện ĐY, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức H1 từ 20 tháng tù đến 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 40 tháng đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức H1 cho UBND xã NH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 20 tháng tù đến 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 40 tháng đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND xã VT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V từ 20 tháng tù đến 24 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 40 tháng đến 48 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn V cho UBND xã GL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo Lâm Văn N đang bị tạm giam từ ngày 05/6/2023 nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 của Lê Đức H1; 01 điện thoại Redmi Note 10 của Hoàng Văn V; 01 điện thoại Iphone 8 Plus của Nguyễn Văn Q.

3. Về án phí: Bị cáo Lâm Văn N, Lê Đức H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn V và bị cáo Nguyễn Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Xét về tội danh: Tại phiên toà các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với vật chứng thu giữ; các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ căn cứ để kết luận:

Do đã có thời gian từng làm việc trong Công ty TNHH L (Công ty) ở khu Công nghiệp VT 2, thuộc địa phận xã NH , huyện YD , tỉnh Bắc Giang, phát hiện thấy việc quản lý tai nghe trong công ty không được chặt chẽ, có thể móc lối giữa các bộ phận để lấy các tai nghe này mang ra ngoài nên Lâm Văn N (Lâm Văn T) đã rủ rê, lôi kéo Lê Đức H1 là nhân viên kỹ thuật tại tầng 3, xưởng E2; Hoàng Văn V là công nhân tại chuyền Line 2, tầng 2, xưởng E2 và Nguyễn Văn Q là nhân viên bảo an của Công ty cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Vào hồi 11 giờ ngày 07/12/2022, tại khu vực tầng 3, xưởng E2 của Công ty. Lê Đức H1 đã có hành vi trộm cắp 40 chiếc tai nghe Bluetooth bên phải, nhãn hiệu Airpods Pro2, màu trắng trị giá 44.800.000 đồng của Công ty, đến 19 giờ ngày 08/12/2022, H1 đưa 40 chiếc tai nghe này cho V để V đưa cho Q, Q đã đem số tai nghe này ra ngoài cổng Công ty đưa cho N đem đi bán được 20.000.000 đồng, N chia cho H1 6.000.000 đồng, cho V 1.500.000 đồng, cho Q 2.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Vì vậy, Cáo trạng số 68/CT-VKSYD ngày 08/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YD truy tố các bị cáo Lâm Văn N, Lê Đức H1, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn V cùng về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa bị xử lý pháp luật hình sự lần nào.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lâm Văn N, Lê Đức H1, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn V đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo H1, V, Q đầu thú; đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo H1, V, Q, N nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công phân nhiệm chặt chẽ, do đó không có tính tổ chức.

Đánh giá vai trò cao nhất là bị cáo Lâm Văn N. Bị cáo N là người khởi xướng việc trộm cắp, rủ rê các bị cáo khác tham gia trộm cắp.

Vai trò thứ hai là bị cáo Lê Đức H1 và Nguyễn Văn Q. Bị cáo H1 khi được N rủ rê trộm cắp vì lòng tham đã đồng ý và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp 40 chiếc tai nghe Bluetooth bên phải, nhãn hiệu Airpods Pro2, màu trắng cho vào trong hộp bìa cát tông mang đi cất giấu tại tủ điện công đoạn 420, chuyền R, line 4, tầng 3, xưởng E2 của Công ty. Bị cáo Nguyễn Văn Q tuy không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng hành vi của bị cáo mang tai nghe trộm cắp qua cửa từ ra ngoài cho N để hành vi trộm cắp tài sản được trót lọt.

Cuối cùng đến vai trò bị cáo Bị cáo Hoàng Văn V, khi N rủ V trộm cắp thì V đồng ý và là người vận chuyển hộp bìa đựng các tai nghe do H1 trộm cắp được đi xuống cửa thiết bị tầng 1, xưởng E2 của Công ty đưa cho Q để Q mang ra ngoài giao cho N.

[5]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của các bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo Lâm Văn N, Lê Đức H1, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn V được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tại ở địa phương cũng đủ đảm bảo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-

HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

Các bị cáo hiện không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS là có căn cứ.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 29/5/2023, Lâm Văn N, Lê Đức H1, Hoàng Văn V, Nguyễn Văn Q đã bồi thường cho anh Trần Văn T2, sinh năm 1996 ở thôn BH, xã ND, huyện LN, tỉnh Bắc Giang là đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH L 44.800.000 đồng. Anh T2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, do đó không đặt ra xem xét tại phiên Tòa.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại Iphone6 của Lê Đức H1; 01 điện thoại Redmi Note 10 của Hoàng Văn V; 01 điện thoại Iphone 8 Plus của Nguyễn Văn Q được H1, V, Q dùng để liên lạc vào việc trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[8]. Bị cáo Lâm Văn N đang bị tạm giam từ ngày 05/6/2023 nên HĐXX áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Các N, bị cáo H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do bị cáo V thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo Q thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bị cáo V, bị cáo Q.

[10]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- *Đối với bị cáo Lâm Văn N*: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn N 02 N 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lâm Văn N cho UBND xã VH, huyện ĐY, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- *Đối với bị cáo Lê Đức H1***:** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức H1 02 N 01 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 50 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Đức H1 cho UBND xã NH, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*-Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q***:** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đức H1 02 N 01 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 50 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho UBND xã VT, huyện LN, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- *Đối với bị cáo Hoàng Văn V***:** Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 01 N 10 tháng về tội "Trộm cắp tài sản", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 44 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn V cho UBND xã GL, huyện SĐ, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 của Lê Đức H1; 01 điện thoại Redmi Note 10 của Hoàng Văn V; 01 điện thoại Iphone 8 Plus của Nguyễn Văn Q.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Lâm Văn N, Lê Đức H1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn V, bị cáo Nguyễn Văn Q.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện YD ;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện YD ;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện YD ;
- Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Anh